

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TRƯỜNG THCS YÊN THANH

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYÊN ĐỔI SỐ
NĂM HỌC 2023-2024

QUẢNG NINH - 2024

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TRƯỜNG THCS YÊN THANH

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYÊN ĐỔI SỐ
NĂM HỌC 2023-2024

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Phan Thị Bích Huệ	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Phạm Thị Hào	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Nguyễn Thị Minh Hòa	Thư ký hội đồng	Thư ký Hội đồng	
4	Đình Thị Thu Nga	Chủ tịch công đoàn	Ủy viên Hội đồng	
5	Nguyễn Thị Nga	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
6	Bùi Thị Huyền	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
7	Diệp Thị Bình	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
8	Ngô Hạnh Phương	Tổng phụ trách Đội	Ủy viên Hội đồng	
9	Đoàn Thị Hạnh	Tổ trưởng Tổ văn phòng	Ủy viên Hội đồng	
10	Phạm Trang Hạ	Bí thư Đoàn	Ủy viên Hội đồng	
11	Phạm Thị Tuyền	Tổ phó chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	

MỤC LỤC
NỘI DUNG

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	2
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	3
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	5
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	5
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	6
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ	6
1. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học	6
Mở đầu	6
Tiêu chí 1.1	7
Tiêu chí 1.2	8
Tiêu chí 1.3	10
Tiêu chí 1.4	10
Tiêu chí 1.5	11
Tiêu chí 1.6	11
Tiêu chí 1.7	12
<i>Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học</i>	13
2. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	14
Mở đầu	14
Tiêu chí 2.1	145
Tiêu chí 2.2	15
Tiêu chí 2.3	16
Tiêu chí 2.4	17
<i>Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục</i>	18
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	19
Phần IV. PHỤ LỤC	20

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí

Tiêu chí	Kết quả đạt		
	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Nhóm tiêu chí			
Tiêu chí 1.1			Có
Tiêu chí 1.2			Có
Tiêu chí 1.3		x	
Tiêu chí 1.4		x	
Tiêu chí 1.5		x	
Tiêu chí 1.6		x	
Tiêu chí 1.7		x	
Nhóm tiêu chí			
Tiêu chí 2.1			Có
Tiêu chí 2.2			Có
Tiêu chí 2.3		x	
Tiêu chí 2.4			x

Kết quả: Đạt mức độ 2

2. Kết luận: Đạt mức độ 2

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương: QUẢNG NINH

Huyện/quận /thị xã / thành phố: UÔNG BÍ

Xã / phường/thị trấn: YÊN THANH

Điện thoại: 0333.663.539 Fax:

Email: c2yenthanh.ub.quangninh@moet.edu.vn

Website: <http://uongbi.quangninh.edu.vn/thcsyenthanh1/>

Đạt mức độ chuyển đổi số: Mức 2

1. Số học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên

Học sinh

TT	Khối lớp	Số lớp	Số lượng	HSKT
1	6	4	153	6
2	7	4	152	4
3	8	3	142	2
4	9	4	148	3
	TỔNG	15	595	15

CBQL-GV, NV

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	0	0	0	01	
Phó hiệu trưởng	01	01	0	0	01	0	
Giáo viên	27	25	01	0	25	02	
Nhân viên	02	01	0	0	02	0	
Cộng	31	28	01	0	28	03	

2. Nhân sự thực hiện chuyển đổi số

- 31/31 CB, GV, NV đạt chuẩn trình độ Tin học ứng dụng.

- Khó khăn:

Phòng Tin học chưa có thiết bị (máy tính) để phục vụ hoạt động dạy học môn Tin học.

Chưa có phòng kỹ thuật xây dựng kênh hình dạy học để phục vụ cho bài giảng elearning.

3. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin

Trường có diện tích khuôn viên 9609,5 m². Diện tích bình quân 15,96m²/học sinh (*tính theo sĩ số HS ở thời điểm tháng 5/2024*). Hiện tại trường có 27 phòng làm việc, trong đó: có 10 phòng học; 05 phòng bộ môn Ngoại ngữ, Sinh học, Vật lí- Công nghệ, Hóa học, Tin học; 01 thư viện; 01 phòng đoàn đội; 01 văn phòng; 01 phòng bảo vệ; 01 phòng Hành chính; 01 phòng y tế; 01 phòng chuyên môn; 02 phòng làm việc của CBQL, 01 phòng chờ giáo viên, 01 phòng họp; 01 phòng truyền thống. Các phòng đều được lắp đặt đầy đủ hệ thống quạt điện và đèn chiếu sáng phục vụ tốt các hoạt động của nhà trường và công tác giảng dạy, học tập cho HS và GV trong nhà trường.

Trường có 10 phòng học trong đó 04 phòng được trang bị màn hình tương tác đi kèm hệ thống loa, ampli, Camera web conference, 06 phòng còn lại được lắp hệ thống tivi, loa, ampli phục vụ dạy học.

01 Phòng tin học được trang bị hệ thống kết nối Internet;

Tất cả cơ sở vật chất trên đảm bảo cho công tác dạy và học. Đặc biệt các trang thiết bị cơ sở vật chất trên đáp ứng cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy - học, phục vụ cho các hoạt động giáo dục toàn diện trong nhà trường.

4. Các số liệu khác (không có)

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường THCS Yên Thanh được thành lập ngày 09/8/2004 theo quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2004 của UBND thị xã Uông Bí nay là thành phố Uông Bí.

Năm học 2022-2023 nhà trường có tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 33, gồm 04 nam và 29 nữ, tuổi từ 26 đến 55. Nhà trường có 02 tổ chuyên môn gồm: tổ Khoa học Tự nhiên và tổ Khoa học Xã hội.

Về trình độ đào tạo: Căn cứ theo Luật giáo dục số 43/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 14/06/2019, nhà trường có 100% cán bộ giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn (trong đó Thạc sĩ: 03; Đại học: 28; Cao đẳng: 0; Trung cấp: 0; 100% cán bộ, giáo viên xếp loại chuẩn nghề nghiệp từ khá trở trên.

Tỷ lệ giáo viên dạy giỏi cấp trường hàng năm luôn duy trì đạt từ 90% đến 100%, cấp thành phố trên 34%; cấp tỉnh trên 10%; tỷ lệ GVCN giỏi cấp thành phố trên 40%, nhiều thầy cô giáo

Nhà trường đảm bảo thực hiện đúng, đủ kế hoạch thời gian năm học và nội dung chương trình giáo dục theo quy định của Bộ; việc đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được đẩy mạnh, bên cạnh đó việc ứng dụng CNTT trong đổi mới phương pháp dạy học và quản lý cũng được chú trọng và đầu tư thêm các TBDH cho các phòng học ứng dụng CNTT.

2. Mục đích TĐG

- Thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT, Sở GDĐT Quảng Ninh, Phòng GDĐT thành phố Uông Bí về công tác tự đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục đối với trường THCS.

- Là cơ sở để các cấp chính quyền, cơ quan quản lý giáo dục và xã hội thực hiện việc giám sát, hỗ trợ nhà trường duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Thông qua tự đánh giá nhà trường làm rõ thực trạng về quy mô, chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục; xác định và so sánh theo các tiêu chuẩn của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường THCS; công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của mình. Từ đó, nhà trường xác định rõ tầm nhìn, các điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ, thách thức và lập kế hoạch cải tiến chất lượng, đề xuất các chiến lược, biện pháp nhằm từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học của nhà trường trong thời gian tới; tiếp tục kiến nghị với địa phương, với các cấp lãnh đạo chỉ đạo, giúp đỡ nhà trường thực hiện các

biện pháp để không ngừng mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

3.1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

3.2. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

3.3. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.

3.4. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

3.5. Viết báo cáo tự đánh giá.

3.6. Công bố báo cáo tự đánh giá.

3.7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ

PHẦN THỨ NHẤT: Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học

Mở đầu:

Chuyển đổi số trong giáo dục nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục; xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

Hướng tới hoàn thiện nội dung cần thiết cho chuyển đổi số trong trường học, cần Hoàn thiện quy trình dạy học online; Khai thác cơ sở dữ liệu nhà trường đã được số hoá phục vụ hoạt động truyền thông, lưu trữ. Khai thác hiệu quả hệ thống thiết bị phòng học thông minh được trang bị, phần mềm dạy học và các phương pháp tổ chức dạy học tích cực đáp ứng cho hình thức trực tiếp; trực tuyến cho phù hợp. Tăng cường khai thác UDCNTT trong kiểm tra đánh giá, tương tác giữa thầy-trò; nhà trường-gia đình. Nâng cao năng lực CBQL, GV, NV trong khai thác phần mềm, UDCNTT trong các hoạt động chuyên môn, tổ chức HĐGD.

Tiêu chí 1.1: Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến

Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm).

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ-Sở-Phòng GDĐT đã xây dựng Kế hoạch giáo dục (trong đó có nội dung dạy học trực tuyến thể hiện ở phân phối chương trình - phụ lục 1 theo công văn số 5512/BGDĐT ngày 18/12/2020 và

thực hiện đáp ứng nội dung tổ chức dạy học trực tuyến, dạy học trực tiếp kết hợp dạy học trực tuyến [M01.01.01]. Trường xây dựng được Kế hoạch dạy học trực tuyến, Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm học 2023-2024 [M01.01.02], [M01.01.03]. Nội dung kế hoạch xác định rõ cách thức thực hiện và yêu cầu thực hiện thông kê tiết học, bài học theo môn/khối lớp về nội dung tổ chức dạy học trực tuyến [M01.01.04]. Nội dung kế hoạch dạy học trực tuyến đảm các nội dung của Điều 15, Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã chủ động thực hiện xây dựng kế hoạch dạy học trực tuyến và kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

Các kế hoạch đã xây dựng các chỉ tiêu cụ thể và giải pháp phù hợp cho giáo viên, nhân viên thực hiện và đánh giá hiệu quả.

3. Điểm yếu

Giải pháp thực hiện các kế hoạch còn chưa hiệu quả, nhất là việc lựa chọn nhân tố phân công nhiệm vụ và đánh giá hiệu quả chưa có tiêu chí rõ ràng.

4. Kế hoạch cải tiến

CBQL trường cần có phân tích đánh giá chính xác hiện trạng, điều kiện thực hiện triển khai chuyển đổi số trong dạy học để xác định chỉ tiêu, mục tiêu phù hợp hơn.

Tăng cường hoạt động giám sát, kiểm tra và rút kinh nghiệm nhằm nâng cao năng lực thực hiện sử dụng đồ dùng thiết bị công nghệ cho đội ngũ CBQL, GV, NV.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 1.2: Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến

Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường xây dựng và ban hành quy chế dạy học trực tuyến của năm học làm căn cứ cho các tổ chuyên môn xây dựng Phụ lục 1, 2, 3, 4 theo công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 13/8/2020. Từ đó giúp giáo viên có sự chuẩn bị phù hợp cho hoạt động xây dựng nguồn học liệu số của bản thân trong quá trình dạy học. Quy chế dạy học trực tuyến thể hiện rõ các nội dung về: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; Nguyên tắc tổ chức dạy học trực tuyến; Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến (trực tuyến đồng thời/không đồng thời); Yêu cầu về cơ sở vật chất, thiết bị đối với dạy học trực tuyến; Nhiệm vụ và quyền của nhà trường, giáo viên,

học sinh trong dạy học trực tuyến; Hình thức tổ chức lớp học trực tuyến; Chế độ làm việc đối với giáo viên dạy học trực tuyến; Quy định về quản lý, lưu trữ dữ liệu trong dạy học trực tuyến [M01.02.01].

2. Điểm mạnh

Quy chế dạy học trực tuyến đầy đủ, rõ ràng giúp giáo viên thuận tiện trong xây dựng, thực hiện kế hoạch giáo dục các môn học.

3. Điểm yếu

Quy chế dạy học trực tuyến còn chưa đảm bảo cách thức đánh giá kết quả học tập của học sinh

4. Kế hoạch cải tiến

Tăng cường bám sát các hướng dẫn tại Thông tư 09 và các thay đổi về điều kiện công nghệ của trường, môi trường giáo dục để điều chỉnh các nội dung quy chế dạy học trực tuyến theo hướng phát huy tính tích cực của GV, NV trong tự bồi dưỡng các năng lực sử dụng công nghệ và đánh giá học sinh qua hoạt động học tập trực tuyến.

Phát huy vai trò của giáo viên trong xây dựng nguyên tắc đánh giá kết quả học tập của học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 1.3: Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến (Tối đa 30 điểm)

- Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên): Tối đa 6 điểm.

- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS). Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng: Tối đa 24 điểm, mỗi chức năng dưới đây không quá 6 điểm.

- (1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học;
- (2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh;
- (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên;
- (4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường thống nhất sử dụng phần mềm dạy học trực tuyến trên Meeting zoom và khuyến khích giáo viên sử dụng tài nguyên tài khoản moet.edu tạo và cấp tài khoản học tập cho từng lớp nhưng hiện chưa có bản quyền (hạn chế 30 phút). Bên cạnh đó có thống nhất phương án sử dụng dự phòng Google meet cho việc dạy

học trực tuyến. Có phương án cho học sinh diện nghỉ học nhiều ngày không đến trường thực hiện học trực tuyến song song với các học sinh của lớp [M01.03.01]; [M01.03.02].

Trường triển khai hướng dẫn cho giáo viên, học sinh sử dụng thêm các Website Shubclassroom, azota.vn, padlet, youtube, google forms, Quizizz... trong các hoạt động dạy trực tuyến đảm bảo giao bài học sinh tự học bằng video, có hệ thống câu hỏi kiểm tra việc nhận biết, thông hiểu, vận dụng nội dung video học tập, kiến thức của bài học. Sử dụng các ứng dụng trên cho việc tổ chức cho học sinh tự kiểm tra, hỏi đáp trực tuyến trên hệ thống phục vụ cho hoạt động đánh giá bằng nhận xét qua hệ thống bài tập trắc nghiệm, phiếu kiểm tra tự luận [M01.03.03]; [M01.03.04]; [M01.03.05]; [M01.03.06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã triển khai và thực hiện một số phần mềm dạy học trực tuyến. Giáo viên đã sử dụng các phần mềm Shubclassroom, azota.vn, padlet, youtube, google forms, Quizizz... để giao bài và kiểm tra thường xuyên HS.

3. Điểm yếu

Chưa đảm bảo tương tác GV-HS trên môi trường trực tuyến và chưa có sự tham gia phối hợp của phụ huynh học sinh trong quá trình học tập của học sinh.

Chưa có hệ thống LMS bản quyền và quản trị được các hoạt động của hệ thống.

4. Kế hoạch cải tiến

Lãnh đạo trường có kế hoạch mua phần mềm dạy học bản quyền đảm bảo chất lượng dạy học.

Xây dựng đầy đủ quy chế và phối hợp cùng phụ huynh trong việc tạo điều kiện về thiết bị học tập, quản lý thời gian tự học, học trực tuyến của học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức độ 2 (17/30 điểm). Cụ thể

- Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp: 06 điểm.
- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS). Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng:

(1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học (04 điểm).

(2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh (02 điểm).

(3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên (03 điểm).

(4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh (02 điểm).

Tiêu chí 1.4: Số lượng học liệu được số hóa (Tối đa 10 điểm)

Số lượng học liệu được số hóa đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt theo quy định tại Điều 7, Thông tư 09.

1. Mô tả hiện trạng

Học liệu dạy học trực tuyến được xây dựng theo chương trình giáo dục phổ thông, bao gồm: bài giảng đa phương tiện được sử dụng trên nguồn học liệu mở do Sở GDĐT cung cấp; hướng dẫn thí nghiệm, thực hành; phần mềm mô phỏng; hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập và kiểm tra, đánh giá; tài liệu tham khảo, bổ trợ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [M01.04.01].

Học liệu dạy học trực tuyến sử dụng được tổ chuyên môn thẩm định đảm bảo các tiêu chí phù hợp với tính sư phạm và kiến thức bài học, chủ đề học tập và hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh; bảo đảm tính khoa học, sư phạm và phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Mỗi năm nhà trường thực hiện thẩm định và phê duyệt các học liệu 1 lần vào cuối kỳ 1 [M01.04.02]; [M01.04.03]; [M01.04.04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có số lượng học liệu được thẩm định và đưa vào sử dụng đảm bảo trên 40 học liệu. Các nguồn học liệu đảm bảo các tiêu chí phù hợp với tính sư phạm và kiến thức bài học.

3. Điểm yếu

Giáo viên chưa có năng lực xây dựng các bài giảng số của riêng mình. Các học liệu chủ yếu là các video trên Youtube.

4. Kế hoạch cải tiến

Tham mưu cho nhà trường phối kết hợp với các trường trong thành phố xây dựng nguồn học liệu dùng chung.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức độ 2 (7/10 điểm)

Tiêu chí 1.5: Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính (Tối đa 20 điểm)

Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN. Yêu cầu cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm. Tối đa 15 điểm.

Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường. Tối đa 5 điểm.

1. Mô tả hiện trạng

Phòng máy tính nhà trường có sử dụng mạng LAN netopschool bản free phục vụ cho việc giám sát, điều khiển các máy tính học sinh [M01.05.01]. Tuy nhiên phòng Tin học của nhà trường chưa có máy tính phục vụ dạy học nên các cuộc thi giáo viên tận dụng các máy tính của giáo viên để học sinh làm bài thi.

Trường hiện nay mới tổ chức cho học sinh tham gia các nội dung thi trực tuyến trên internet (olympic tiếng Anh; olympic toán; các cuộc thi và tìm hiểu khác) chưa tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính.

Chưa có phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường.

2. Điểm mạnh

Trường có phòng Tin học được lắp đặt đầy đủ hệ thống mạng internet.

3. Điểm yếu

Phòng Tin học của nhà trường chưa có máy tính nên chưa đủ điều kiện kỹ thuật tổ chức kiểm tra trực tuyến.

4. Kế hoạch cải tiến

Nhà trường đề nghị cấp trên mua máy tính phục vụ hoạt động học tập bộ môn Tin học của HS và mua phần mềm phù hợp có thể tổ chức được các nội dung, bài thi trực tuyến trên phòng máy tính.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức độ 2 (8,0/20 điểm)

Tiêu chí 1.6: Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số (Tối đa 20 điểm)

- Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu. Tối đa 7 điểm. Chi tiết, tỉ lệ giáo viên có tài khoản trực tuyến: <30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm

- Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học. Tối đa 7 điểm. Chi tiết, tỉ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học: <30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm.

- Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử. Tối đa 6 điểm. Chi tiết, tỷ lệ giáo viên đã xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử: <30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 6 điểm.

1. Mô tả hiện trạng

100% giáo viên được cấp và sử dụng tài khoản trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến <https://temis.csdl.edu.vn/temis> của Học viện quản lý giáo dục để tham gia bồi dưỡng chương trình GDPT 2028 [M01.06.01].

100% giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ (powerpoint, excel, word, google form, azota...) nhằm đổi mới phương pháp dạy học. [M01.06.02]

100% giáo viên đã xây dựng được học liệu số và tập hợp thành kho học liệu số chung trên driver [M01.06.03]

2. Điểm mạnh

Giáo viên có tài khoản và khai thác hiệu quả hoạt động học tập, bồi dưỡng trực tuyến. Giáo viên có thu thập, sử dụng học liệu số trong các bài học và trình chiếu trong các bài dạy.

3. Điểm yếu

Khả năng thu thập, sử dụng học liệu số của giáo viên chưa cao, chưa tự xây dựng sản phẩm học liệu số sử dụng cho bài dạy.

4. Kế hoạch cải tiến

GV chủ động tham gia học tập bồi dưỡng trực tuyến.

Nhà trường có kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng năng lực ứng dụng CNTT, CDS cho CB, GV.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức độ 2 (14/20 điểm)

Tiêu chí 1.7: Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học (Tối đa 20 điểm)

- Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học. Tối đa 8 điểm. Chi tiết, tỷ lệ phòng học đáp ứng yêu cầu: <20%: tối đa 2 điểm; 20%-60%: tối đa 5 điểm; >60%: tối đa 8 điểm.

- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học. Tối đa 7 điểm. Chi tiết: Mức độ 1: tối đa 2 điểm; Mức độ 2: tối đa 5 điểm; Mức độ 3: tối đa 7 điểm.

- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử). Tối đa 5 điểm.

1. Mô tả hiện trạng

100% (10/10) phòng học và 05 phòng bộ môn được trang bị thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet.

Trong quá trình sử dụng trường ban hành quy chế sử dụng thiết bị phòng học thông minh, quy định sử dụng thiết bị đối với học sinh, tổ chức bàn giao thiết bị sử dụng cố định theo năm học. Thực hiện ghi chép sổ sách theo sổ ghi đầu bài các lớp học, tổ chức đánh giá kết quả theo nội dung kiểm tra nội bộ đối với từng giáo viên trong năm học [M01.04.03]; [M01.07.01]; [M01.07.02]; [M01.07.03]; [M01.07.04], [M01.07.05]; [M01.07.06]; [M01.07.07].

Trường có 01 phòng học Tin học nhưng chưa có máy tính cho học sinh học. Trường chưa bố trí được phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục vụ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử) sử dụng trong việc đáp ứng quy trình sản xuất, xây dựng được học liệu giảng dạy, học liệu số và các file đa phương tiện phục vụ hoạt động giảng dạy của nhà trường

2. Điểm mạnh

Được trang bị thiết bị phục vụ dạy học cơ bản đáp ứng theo hướng chuyển đổi số và tổ chức quản lý sử dụng đảm bảo theo hướng dẫn của Sở GDĐT về thiết bị đồ dùng dạy học và hoạt động UD CNTT trong dạy học.

3. Điểm yếu

Chưa có phòng studio phục vụ xây dựng bài giảng số, học liệu số.

Phòng học Tin chưa được trang bị máy tính phục vụ hoạt động học tập của học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến

Đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất cho phòng tin học và xây dựng phòng studio phục vụ nhu cầu dạy học của giáo viên và học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức độ 2 (10/20 điểm)

Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học

Nhà trường xây dựng đầy đủ các kế hoạch dạy học trực tuyến, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

Đã ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến. Quy chế dạy học trực tuyến đầy đủ, rõ ràng giúp giáo viên thuận tiện trong xây dựng, thực hiện kế hoạch giáo dục các môn học.

Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến. Chủ động phương án dạy học trực tuyến có quản lý hoạt động các tài khoản dạy học theo lớp phù hợp cho công tác

quản lý và xây dựng hoạt động như trường học trực tuyến.

Có các học liệu được số hóa, thẩm định.

100% Giáo viên có tài khoản và khai thác hiệu quả hoạt động học tập, bồi dưỡng trực tuyến.

100% phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet.

Đánh giá chung: Đạt mức độ 2

PHẦN THỨ HAI: Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục

Mở đầu:

Chuyển đổi số trong giáo dục là ứng dụng công nghệ kỹ thuật số và hệ thống thông tin internet vào lĩnh vực giáo dục để nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập và quản lý giáo dục.

Chuyển đổi số trong giáo dục đã mang lại nhiều thay đổi tích cực cho cả người học và người dạy. Tuy nhiên, điều quan trọng là cần nâng cao nhận thức, tư duy đúng đắn về chuyển đổi số, đồng thời cải thiện khả năng tiếp cận cho tất cả mọi người để làm cho các phương pháp học tập trở nên hấp dẫn và hiệu quả hơn.

Tiêu chí 2.1: Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số

Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Điều kiện bắt buộc.

1. Mô tả hiện trạng

Ngay sau khi có hướng dẫn của cấp trên, nhà trường đã ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm học [M01.01.03]. Căn cứ điều kiện nhà trường và năng lực của CB, GV, trường kịp thời ra Quyết định thành lập Ban chỉ đạo phụ trách ứng dụng CNTT, CDS; phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, rõ trách nhiệm cho từng thành viên [M02.01.01].

2. Điểm mạnh

Triển khai kịp thời và đầy đủ các văn bản triển khai chỉ đạo, triển khai UD CNTT, chuyển đổi số.

3. Điểm yếu

Kỹ năng ứng dụng CNTT, CDS của một số thành viên BCD chưa đáp ứng yêu cầu.

4. Kế hoạch cải tiến

Ban chỉ đạo CDS cần tham mưu nhà trường đưa vào các quy chế chuyên môn, nội dung tiêu chí đánh giá BDTX của CBQL, GV các nội dung về chuyển đổi số và kỹ năng cơ bản được tập huấn, hướng dẫn trong đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 2.2: Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

Có ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số với đầy đủ mục tiêu, giải pháp, phân công nhiệm vụ trong năm học 2023-2024 (*Kế hoạch số 132/KH-THCSYT ngày 15/11/2023*). Kế hoạch có các nội dung chính: Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; Tổ chức triển khai có hiệu quả các nội dung theo kế hoạch; Hướng dẫn, tập huấn cho giáo viên về kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý; Xây dựng hệ thống thiết bị, cơ sở dữ liệu dùng chung của nhà trường; Quản lý, vận hành các hệ thống, phần mềm dùng chung của nhà trường; Hỗ trợ kỹ thuật về công nghệ thông tin cho cán bộ, giáo viên nhà trường; Tổng hợp, báo cáo tiến độ triển khai các nhiệm vụ về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số; Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT, chuyển đổi số; Thành lập Hội đồng Tự đánh giá mức độ CDS của nhà trường [M01.01.03]; [M02.02.02]; [M02.02.03].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành kịp thời kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, nội dung kế hoạch đầy đủ phù hợp cho tổ chức triển khai thực hiện tại các tổ, nhóm chuyên môn.

3. Điểm yếu

Một số nội dung chưa đủ điều kiện triển khai do còn thiếu điều kiện công nghệ thực hiện.

4. Kế hoạch cải tiến

Ban chỉ đạo thực hiện tham mưu đầy đủ các nội dung, phù hợp hiện trạng nhà trường để có các văn bản chỉ đạo điều hành hiệu quả, thực tế.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 2.3: Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (Tối đa 70 điểm)

Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường:

- Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường. Tối đa 8 điểm.
- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập). Tối đa 8 điểm.
- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử. Tối đa 10 điểm. Nếu chỉ cung cấp thông tin file PDF: tối đa 3 điểm; Áp dụng chứng thư số: tối đa 10 điểm (cho phép dùng chứng thư số trong việc xác thực, ký trực tiếp trên phần mềm quản lý, xác thực được thông tin chữ ký, chứng thư số trên hồ sơ điện tử).
- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV. Tối đa 8 điểm.
- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất. Tối đa 10 điểm.
- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh. Tối đa 10 điểm.
- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán. Tối đa 8 điểm.
- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý). Tối đa 8 điểm.

1. Mô tả hiện trạng

- Nhà trường có quy định hệ thống hồ sơ sổ sách điện tử thông qua Quy chế hoạt động chuyên môn [M02.03.01]; triển khai các phần mềm quản trị nhà trường như phần mềm SMAS, CSDL, TEMIS [M02.03.02]; [M02.03.03].

<https://smas.edu.vn/Home/LogOn?ReturnUrl=%2f>

<https://truong.csdl.moet.gov.vn/Default.aspx>

<https://temis.csdl.edu.vn/temis>

- Nhà trường đã triển khai phân hệ quản lý học sinh qua phần mềm SMAS.

Đường dẫn: <https://smas.edu.vn/Home/LogOn?ReturnUrl=%2f>

- Nhà trường đã triển khai triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử qua phần mềm SMAS <https://smas.edu.vn/Home/LogOn?ReturnUrl=%2f>

- Nhà trường đã triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV thông qua phần mềm quản lý trường học SMAS, CSDL, Temis, hệ thống quản lí CBCVCV [M02.03.04] <https://smas.edu.vn/Home/LogOn?ReturnUrl=%2f>

<https://truong.csdl.moet.gov.vn/Default.aspx>

<https://temis.csdl.edu.vn/temis>

<https://ccvc.quangninh.gov.vn/web/login>

- Nhà trường đã triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất. Kế toán qua phần mềm MISA [M02.03.05];

- Nhà trường đã triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh tích hợp qua phần mềm quản lý trường học SMAS. <https://smas.edu.vn/Home/LogOn?ReturnUrl=%2f>

- Nhà trường đã triển khai phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý) <https://truong.csdl.moet.gov.vn/Default.aspx>

- Nhà trường đã ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường [M02.03.06].

Trường chưa triển khai thực hiện ứng dụng chứng thư số trong quản lý hồ sơ trường. Chưa có phần mềm riêng về phân hệ quản lý cơ sở vật chất, phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh, phần mềm kiểm định, chữ ký số của GV

2. Điểm mạnh

Cơ bản đã thực hiện các yêu cầu về hệ thống quản trị trường; phân hệ quản lý cán bộ công chức và hồ sơ học sinh.

3. Điểm yếu

Năm học 2023-2024 nhà trường chưa thực hiện cấp và sử dụng chữ ký số cho 100% CBQL; GV, NV nhà trường. Chưa triển khai thực hiện chứng thư số, phân hệ quản lý cơ sở vật chất, phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến

Năm học 2024-2025 hoàn thiện việc báo cáo Phòng GDĐT và UBND thành phố hỗ trợ cấp chữ ký số cho CBQL, GV, NV triển khai sử dụng trong lập hồ sơ chuyên môn.

Hướng dẫn giáo viên phụ trách y tế học đường sử dụng quản lý thông tin y tế, sức khỏe học sinh trên qlth.quangninh.edu.vn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức độ 2 (48/70 điểm)

Tiêu chí 2.4: Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến (Tối đa 30 điểm)

Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến được đánh giá thông qua các dịch vụ sau đây:

- Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua ứng dụng OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web). Tối đa 8 điểm. Điểm số được đánh giá theo mức độ tự động (automation) của ứng dụng kết nối giữa gia

đình và nhà trường theo các kịch bản, sự kết nối với dữ liệu quản trị của nhà trường, tỉ lệ học sinh của nhà trường có sử dụng ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường, tỉ lệ hài lòng của phụ huynh học sinh với nhà trường, ...

- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến. Tối đa 12 điểm. Đánh giá theo mức độ hoàn thiện của hệ thống phần mềm tuyển sinh trong quá trình thực hiện (hỗ trợ một phần, hỗ trợ toàn phần, có xác thực chứng thư số, ...).

- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt. Tối đa 10 điểm. Đánh giá theo số lượng dịch vụ thực hiện thu phí giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt (tỉ lệ dịch vụ, tỉ lệ tiền thanh toán không dùng tiền mặt, các ứng dụng và quy trình ứng dụng hình thức không dùng tiền mặt, ...).

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường qua ứng dụng OTT chủ yếu dùng qua zalo, gmail, facebook. [M02.04.01].

Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến lớp 6 THCS, lớp 10 THPT [M02.04.02].

Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục (Học phí) theo hình thức không dùng tiền mặt đối với 100% học sinh [M02.04.03]; [M02.04.04].

2. Điểm mạnh

Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến, sử dụng hiệu quả ứng dụng kết nối nhà trường-gia đình và dịch vụ thu phí không dùng tiền mặt.

3. Điểm yếu

Chưa có giải pháp chuẩn OTT hỗ trợ các liên lạc trực tuyến gia đình-nhà trường có tính bảo mật và phù hợp công tác hành chính, quản lý hồ sơ.

4. Kế hoạch cải tiến

CBQL tham mưu cấp trên tổ chức thực hiện tư vấn và bồi dưỡng năng lực giáo viên, nhân viên thực hiện giải pháp chuẩn OTT hỗ trợ các liên lạc trực tuyến gia đình-nhà trường có tính bảo mật và phù hợp công tác hành chính, quản lý hồ sơ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức độ 3 (25/30 điểm)

Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục:

Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, triển khai kịp thời và đầy đủ các văn bản triển khai chỉ đạo, triển khai UD CNTT chuyển đổi số.

Trường ban hành kịp thời kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, nội dung kế hoạch đầy đủ phù hợp cho tổ chức triển khai thực hiện tại các tổ, nhóm chuyên môn.

Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường, cơ bản đã thực hiện các yêu cầu về hệ thống quản trị trường; phân hệ quản lý cán bộ công chức và hồ sơ học sinh.

Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến, có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực, sử dụng hiệu quả ứng dụng kết nối nhà trường-gia đình và dịch vụ thu phí không dùng tiền mặt.

Đánh giá chung: Đạt mức độ 2

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

- Kết quả Tự đánh giá mức độ chuyển đổi số

Số tiêu chí đạt (trong các Tiêu chí 1.1; 1.2; 2.1; 2.2): 04 (100%)

Số tiêu chí chưa đạt (trong các Tiêu chí 1.1; 1.2; 2.1; 2.2): 0 (0%)

Số tiêu chí Mức độ 1: 0 (0%)

Số tiêu chí Mức độ 2: 06 (86%)

Số tiêu chí Mức độ 3: 01 (14%)

- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Mức đáp ứng cơ bản - Mức độ 2.

- Cơ sở giáo dục đề nghị đạt mức độ chuyển đổi số: Mức đáp ứng cơ bản - Mức độ 2.

- Các kết luận khác: không có

Uông Bí, ngày 29 tháng 5 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Phan Thị Bích Huệ

Phần IV. PHỤ LỤC

BẢNG MÃ CÁC MINH CHỨNG CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM HỌC 2023-2024 - TRƯỜNG THCS YÊN THANH

Tiêu chí	Tiêu chí	Tên minh chứng	Mã MC	Mã dẫn
Tiêu chí 1	Tiêu chí 1.1.	- Kế hoạch giáo dục của nhà trường (có nội dung tổ chức dạy học trực tuyến hoặc dạy học trực tiếp kết hợp dạy học trực tuyến)	M01.01.01	
	Tiêu chí 1.1.	- Kế hoạch dạy học trực tuyến.	M01.01.02	
	Tiêu chí 1.1.	- Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ UD CNTT và chuyển đổi số.	M01.01.03	
	Tiêu chí 1.1.	- Biểu thống kê giáo dục có nội dung tổ chức dạy học trực tuyến	M01.01.04	
	Tiêu chí 1.2.	- Quy chế dạy học trực tuyến của trường.	M01.02.01	
	Tiêu chí 1.3	- Danh sách tài khoản dạy học trực tuyến trực tiếp: Meeting Zoom	M01.03.01	
	Tiêu chí 1.3	- Danh sách Gmail giáo viên sử dụng dạy học trực tuyến trực tiếp: Google Meet, zoom	M01.03.02	
	Tiêu chí 1.3	Minh chứng tương tác GV_HS qua bài dạy TT	M01.03.03	Hình ảnh/Bảng thống kê
	Tiêu chí 1.3	Minh chứng về hiệu quả HS tham gia bài học trực tuyến (Số hs hoàn thành trong từng bài học)	M01.03.04	
	Tiêu chí 1.3	Minh chứng về sự đáp ứng của hs cho thiết bị tham gia học trực tuyến	M01.03.05	
	Tiêu chí 1.3	Minh chứng về việc PHHS tham gia HĐ học của HS.	M01.03.06	
	Tiêu chí 1.4	- Biên bản thẩm định học liệu số của TCM	M01.04.01	
	Tiêu chí 1.4	- Quyết định phê duyệt học liệu số	M01.04.02	
	Tiêu chí 1.4	- Danh mục học liệu số được phê duyệt	M01.04.03	
	Tiêu chí 1.4	- PPCT-PL1 các môn học	M01.04.04	
	Tiêu chí 1.5	- Phần mềm quản lý mạng LAN	M01.05.01	
	Tiêu chí 1.5	- Quy chế triển khai kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính.	M01.05.02	
	Tiêu chí 1.5	- Kế hoạch triển khai kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính.	M01.05.03	
Tiêu chí 1.6	- Danh sách tài khoản GV trên https://temis.csdl.edu.vn	M01.06.01		
Tiêu chí 1.6	- Danh sách tài khoản GV trên https://taphuan.csdl.edu.vn/	M01.06.02		

	Tiêu chí 1.6	- Kết quả kiểm tra nội bộ (mức độ áp dụng được các phần mềm, công cụ, đồ dùng dạy học nhằm đổi mới phương pháp dạy học của GV).	M01.06.03	
	Tiêu chí 1.6	- Danh mục học liệu số được phê duyệt		M01.04.03
	Tiêu chí 1.7	- Hình ảnh GV dạy trực tuyến trên zoom	M01.07.01	
	Tiêu chí 1.7	- Hình ảnh các thiết bị dạy học GV sử dụng trên lớp	M01.07.02	
	Tiêu chí 1.7	- Sổ giao nhận thiết bị tại các phòng học (mượn/trả)	M01.07.03	
	Tiêu chí 1.7	- Hồ sơ quản lý, sử dụng: Sổ theo dõi thiết bị, đồ dùng dạy học có các thiết bị theo yêu cầu (Sổ thiết bị dạy học).	M01.07.04	
	Tiêu chí 1.7	- Bảng kê tiền sử dụng internet và HĐ sử dụng mạng	M01.07.05	
	Tiêu chí 1.7	- Sơ đồ dùng mạng internet	M01.07.06	
	Tiêu chí 1.7	- Sử dụng các thiết bị xây dựng được học liệu giảng dạy, học liệu số và các file đa phương tiện phục vụ hoạt động giảng dạy của nhà trường.	M01.07.07	
	Tiêu chí 1.7	- Phương án bảo mật dữ liệu, an ninh mạng.	Chưa có	
Tiêu chí 2	Tiêu chí 2.1	- Quyết định thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai UD CNTT	M02.02.01	
	Tiêu chí 2.1	- Phân công nhiệm vụ BCĐ UD CNTT		
	Tiêu chí 2.2	- Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ UD CNTT và chuyển đổi số.		M01.01.03
	Tiêu chí 2.2	- Quyết định thành lập HĐ TĐG mức độ chuyển đổi số	M02.02.02	
	Tiêu chí 2.2	- Tổng hợp đánh giá mức độ chuyển đổi số.	M02.02.03	
	Tiêu chí 2.3	- Quy định hồ sơ sổ sách nhà trường-TCM-GV (Quy chế chuyên môn)	M02.03.01	
	Tiêu chí 2.3	- Link hệ thống quản lý hồ sơ, điểm đánh giá học sinh qlth.quangninh.edu.vn	M02.03.02	
	Tiêu chí 2.3	- Phần mềm CSDL ngành	M02.03.03	
	Tiêu chí 2.3	- Phần mềm quản lý CCVC	M02.03.04	
	Tiêu chí 2.3	- Phần mềm quản lý sức khỏe học sinh, y tế trường học (Trên Smas)	M02.03.02	
	Tiêu chí 2.3	- Phần mềm quản lý kế toán	M02.03.05	
	Tiêu chí 2.3	quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường	M02.03.06	
	Tiêu chí 2.3	- Chữ ký điện tử (Mới có của HT)	M02.03.07	
	Tiêu chí 2.4	- Sổ liên lạc điện tử (có thể lấy h/a liên lạc với PH qua zalo)	M02.04.01	

Tiêu chí 2.4	- Phần mềm tuyển sinh đầu cấp	M02.04.02	
Tiêu chí 2.4	- Dịch vụ nộp tiền bằng tài khoản OTT không dùng tiền mặt	M02.04.03	
Tiêu chí 2.4	- Văn bản hướng dẫn sử dụng hệ thống thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt.	M02.04.04	